

Deloitte.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

PVIRe

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Khắc Dũng	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Hà Thu	Thành viên
Ông Bùi Vạn Thành	Thành viên
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Giám đốc Khối Kinh doanh 1
Ông Nguyễn Hồng Long	Giám đốc Khối Kinh doanh 2
Bà Bùi Thị Hà	Kế toán trưởng kiêm phụ trách Khối Tài chính - Đầu tư
Ông Tạ Chiến	Giám đốc Khối Hoạt động

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Văn Thăng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 03 tháng 02 năm 2016, từ trang 04 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2452-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DNPNT
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		3.367.742.467.418	3.527.697.579.068
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	91.263.297.231	39.038.530.365
1. Tiền	111		91.263.297.231	29.038.530.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.126.840.000.000	1.285.835.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.126.840.000.000	1.285.835.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		567.628.188.178	380.736.147.679
1. Phải thu khách hàng	131	7	569.697.675.770	383.504.827.418
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		538.273.789.466	339.712.510.574
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		31.423.886.304	43.792.316.844
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	808.565.350	197.982.706
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.878.052.942)	(2.966.662.445)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		151.464.466.572	128.931.964.265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	151.441.922.686	128.801.719.256
1.1. Chi hoa hồng chưa phân bổ	151.1		151.195.341.965	128.336.618.736
1.2. Chi phí trả trước khác	151.2		246.580.721	465.100.520
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.543.886	115.925.023
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15	-	14.319.986
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	11	1.430.546.515.437	1.693.155.936.759
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		566.816.567.372	564.102.596.628
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		863.729.948.065	1.129.053.340.131
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		145.026.553.097	55.482.200.684
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		9.216.378.730	7.835.295.938
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.622.102.202	3.315.518.041
Nguyên giá	222		7.096.108.153	6.610.623.153
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.474.005.951)	(3.295.105.112)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	6.594.276.528	4.519.777.897
Nguyên giá	228		12.073.600.000	7.113.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.479.323.472)	(2.593.822.103)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	107.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		107.000.000.000	20.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		20.810.174.367	19.646.904.746
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.810.174.367	19.646.904.746
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.512.769.020.515	3.583.179.779.752

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DNPNT

Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		2.768.047.119.572		2.849.016.419.059	
I. Nợ ngắn hạn	310		2.768.047.119.572		2.849.016.419.059	
1. Phải trả cho người bán	312	14	640.840.794.601		571.927.370.993	
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		624.406.293.134		550.643.872.748	
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		16.434.501.467		21.283.498.245	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	8.598.967.891		10.768.870.883	
3. Phải trả người lao động	315		5.499.049.026		7.723.031.177	
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	127.429.261.195		107.778.027.292	
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		120.955.817.488		104.356.168.423	
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		290.110.700		-	
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.889.274.254		777.576.330	
7. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	1.983.499.661.905		2.150.041.542.384	
7.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1		790.295.426.249		759.583.518.855	
7.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		1.152.557.658.662		1.363.986.805.469	
7.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		40.646.576.994		26.471.218.060	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		744.721.900.943		734.163.360.693	
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	744.721.900.943		734.163.360.693	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		668.000.000.000		668.000.000.000	
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		14.820.858.967		8.807.460.307	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.901.041.976		57.355.900.386	
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.512.769.020.515		3.583.179.779.752	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	2.821.010,61	1.138.855,46
Euro	EUR	917.258,02	43.294,36



Phan Quỳnh Lam
 Người lập biểu



Bùi Thị Hà
 Kế toán trưởng





Vũ Văn Thắng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	670.749.706.804	497.224.143.385
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	119.503.252.114	113.505.256.360
3. Thu nhập khác	13	-	703.709.193
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	568.100.768.060	438.628.243.983
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	42.598.619.262	28.925.513.090
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	25.452.390.973	24.740.071.376
7. Chi phí khác	24	-	53.026.202
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	154.101.180.623	119.086.254.287
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30.399.969.606	26.140.615.502
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	123.701.211.017	92.945.638.785
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.796	1.342

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B 02-DNPNT
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)	01	19	1.578.555.021.235	1.542.806.278.001
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.609.266.928.629	1.625.326.932.806
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		30.711.907.394	82.520.654.805
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)	02	20	1.134.040.993.404	1.189.991.242.521
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.136.754.964.148	1.193.133.028.493
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		2.713.970.744	3.141.785.972
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		444.514.027.831	352.815.035.480
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		226.235.678.973	144.409.107.905
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		211.469.647.497	120.850.088.533
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		14.766.031.476	23.559.019.372
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		670.749.706.804	497.224.143.385
6. Chi bồi thường (11=11.1)	11		783.620.508.012	429.699.787.634
- Tổng chi bồi thường	11.1		783.620.508.012	429.699.787.634
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		596.070.390.648	315.113.011.560
8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(211.429.146.807)	1.002.009.933.663
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(265.323.392.066)	900.735.681.857
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	21	241.444.362.623	215.861.027.880
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		14.175.358.934	12.965.817.129
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)	17	22	312.481.046.503	209.801.398.974
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		277.301.230.064	164.570.431.943
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		35.179.816.439	45.230.967.031
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		568.100.768.060	438.628.243.983
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		102.648.938.744	58.595.899.402
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	119.503.252.114	113.505.256.360
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	42.598.619.262	28.925.513.090

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 02-DNPNT
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		76.904.632.852	84.579.743.270
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	25.452.390.973	24.740.071.376
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		154.101.180.623	118.435.571.296
20. Thu nhập khác	31		-	703.709.193
21. Chi phí khác	32		-	53.026.202
22. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	650.682.991
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		154.101.180.623	119.086.254.287
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	30.399.969.606	26.140.615.502
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp (60=50-51)	60		123.701.211.017	92.945.638.785
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.796	1.342

Phan Quỳnh Lam
Người lập biểu

Bùi Thị Hà
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DNPNT
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí, hoa hồng, bồi thường và khác	01	728.764.862.784	1.070.134.714.394
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	1.816.944.196	1.138.643.453
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	9.246.057.976	4.448.996.994
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(155.296.742.770)	(82.768.849.660)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(500.126.760.909)	(599.435.161.465)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(21.866.008.390)	(38.652.622.352)
7. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(15.261.435.539)	(13.560.300.507)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(38.546.036.382)	(28.825.932.010)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(3.096.659.394)	(1.324.501.481)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(8.171.754.176)	(1.545.725.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.537.532.604)	309.609.262.253
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	1.517.235.000.000	1.011.980.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	93.363.090.844	79.365.023.888
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	-	24.273.743
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(1.445.240.000.000)	(1.665.320.000.000)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(3.252.085.000)	(2.249.806.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	162.106.005.844	(576.200.508.591)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do đi vay	31	5.000.000.000	-
2. Tiền đã trả nợ vay	34	(5.000.000.000)	-
3. Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(107.343.706.374)	(53.542.615.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(107.343.706.374)	(53.542.615.664)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	52.224.766.866	(320.133.862.002)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.038.530.365	359.172.392.367
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	91.263.297.231	39.038.530.365


Phan Quỳnh Lam
Người lập biểu


Bùi Thị Hà
Kế toán trưởng


Vũ Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính